

## QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 213/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, về việc “Tranh chấp tài sản chung sau khi ly hôn”.

### XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### QUYẾT ĐỊNH:

#### 1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1981; địa chỉ: Số A Y, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là Số A Y, khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk).

**Bị đơn:** ông Đặng Quốc T, sinh năm 1981; địa chỉ: khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố P, phường H, tỉnh Đắk Lắk).

**Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:** ông Trà Trọng T1, sinh năm 1963; địa chỉ: khu phố N, Phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố N, Phường T, tỉnh Đắk Lắk).

#### **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Đặng Ngọc H, sinh năm 1956 và bà Trà Thị S, sinh năm 1956; địa chỉ: Khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là khu phố P, phường H, tỉnh Đắk Lắk).

- Chị Đặng Thị Khánh Q, sinh năm 2005; địa chỉ: Số A Y, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là Số A Y, khu phố P, phường P, tỉnh Đắk Lắk).

- Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (nay là UBND phường H, tỉnh Đắk Lắk).

#### 2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Kim L), bị đơn (ông Đặng Quốc T) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Đặng Ngọc H, bà Trà Thị S) thống nhất giá trị quyền sử dụng của thửa đất số 226, tờ bản đồ 35 (đo đạc năm 2010), diện tích 223,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: đường L, khu phố P, phường H, tỉnh Phú Yên (nay là đường L, khu phố P, phường H, tỉnh Đắk Lắk) là 669.300.000đ (*Sáu trăm sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng*), giá trị nhà 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*); ngôi nhà là tài sản riêng của ông Đặng Quốc T và bà Nguyễn Thị Kim L, mỗi người được nhận 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*).

2.2. Ông Đặng Quốc T được nhận hiện vật là ngôi nhà cấp 4 gắn liền với thửa đất số 226, tờ bản đồ 35 (đo đạc năm 2010), diện tích 223,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: đường L, khu phố P, phường H, tỉnh Đắk Lắk, có tổng giá trị là 769.300.000đ (*Bảy trăm sáu mươi chín triệu ba trăm nghìn đồng*).

2.3. Ông Đặng Quốc T phải bồi lại giá trị cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 217.325.000đ (*Hai trăm mười bảy triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

2.4. Ông Đặng Quốc T phải bồi lại giá trị cho ông Đặng Ngọc H, bà Trà Thị S số tiền 234.255.000đ (*Hai trăm ba mươi bốn triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

2.5. Ông Đặng Quốc T phải thanh toán cho chị Đặng Thị Khánh Q số tiền 100.395.000đ (*Một trăm triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

2.6. Ông Đặng Quốc T được tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 226, tờ bản đồ 35 (đo đạc năm 2010), diện tích 223,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại: đường L, khu phố P, phường H, tỉnh Đắk Lắk và được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2.7. Về phần án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim L tự nguyện chịu án phí sơ thẩm đối với giá trị tài sản được chia với số tiền 5.433.000 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0003302 ngày 10/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12, Thi hành án dân sự tỉnh Đ), nên hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 4.567.000đ (*Bốn triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

- Ông Đặng Quốc T tự nguyện chịu án phí sơ thẩm đối với giá trị tài sản được chia với số tiền 5.433.000đ (*Năm triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

- Chị Đặng Thị Khánh Q phải chịu án phí sơ thẩm với tài sản được chia với 2.509.800đ (*Hai triệu năm trăm lẻ chín nghìn tám trăm đồng*).

- Ông Đặng Ngọc H, bà Trà Thị S được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2.8. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chịu mỗi người một nửa chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản số tiền 10.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp đủ nên ông Đặng Quốc T có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) cho bà Nguyễn Thị Kim L.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 12 - Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS KV12-Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Hữu Duyên**